

và năm). Các chi tiêu từng quý gửi vào tuần kỳ 3 của tháng cuối quý trước.

2) Các xí nghiệp phải gửi đến Ngân hàng địa phương nơi chịu sự quản lý:

— Kế hoạch thu chi tiền mặt hàng tháng chia ra tuần kỳ 10 ngày một.

— Kế hoạch sản xuất từng quý chia ra từng tháng.

— Kế hoạch thu chi tiền mặt hàng tháng gửi vào ngày 25 tháng trước.

— Kế hoạch sản xuất từng quý gửi vào tuần kỳ 3 của tháng cuối quý trước.

Điều 17. — Ngân hàng phải đảm bảo giữ bí mật cho các kế hoạch của xí nghiệp.

Điều 18. — Chế độ quản lý tiền mặt là một pháp lệnh của Chính phủ, các Cục, các xí nghiệp và các chi nhánh Ngân hàng có trách nhiệm thi hành và coi đó là một kỷ luật tài chính.

Để cho việc thi hành thông tư này được thích hợp với tình hình nghiệp vụ, Bộ Công nghiệp và Ngân hàng trung ương sẽ ra chỉ thị quy định những biện pháp cụ thể áp dụng những nguyên tắc đã nêu lên.

Các xí nghiệp, các chi nhánh Ngân hàng đặt kế hoạch cụ thể sát với hoàn cảnh từng nơi, từng xí nghiệp, đề ra nội quy công tác chi tiết được Ủy ban Hành chính địa phương thông qua để thi hành.

Hà-nội, ngày 21 tháng 11 năm 1956

Tổng Giám đốc

Ngân hàng Quốc gia Việt-nam

LÊ-VIẾT-LƯỢNG

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp

LÊ-THANH-NGHỊ

NGÂN HÀNG QUỐC GIA VIỆT-NAM — THỦY LỢI VÀ KIẾN TRÚC

THÔNG TƯ số 7-TT-LB ngày 10-12-1956
về quản lý tiền mặt của các đơn vị
thuộc Bộ Thủy lợi và Kiến trúc.

Để chấp hành nghị định số 169-TTg ngày 1-5-52 và thông tư số 622-TTg ngày 27-11-1955 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý tiền mặt, Liên bộ Thủy lợi Kiến trúc Ngân hàng Quốc gia quy định biện pháp thực hiện việc quản lý tiền mặt đối với các Cục, các Ty, các công trường v. v... trực thuộc Bộ Thủy lợi Kiến trúc theo các điều, mục sau đây:

MỤC I

MỞ TÀI KHOẢN, TẬP TRUNG KINH PHÍ VÀ TIỀN MẶT VÀO NGÂN HÀNG

Điều 1. — Các Cục, Phòng thuộc Bộ, các Ty, các đơn vị trực thuộc có dự toán, quyết toán riêng kể cả các công trường, các trường học, bệnh viện đều phải mở tài khoản gửi kinh phí vào Ngân hàng nơi đóng trụ sở và rút dần ra chi tiêu theo kế hoạch.

Các lớp học chuyên môn ngắn hạn không có tính cách liên tục thì không phải mở tài khoản; kinh phí của các lớp này do Bộ hoặc Cục trực tiếp quản lý và cấp phát dần hàng tháng.

Điều 2. — Các Cục, Phòng, Ty, công trường có thu nhập tiền mặt hoặc séc phải nộp vào Ngân hàng, không được dùng số thu để chi tại chỗ.

Điều 3. — Hàng quý và hàng tháng, các Cục, Phòng, Ty, đơn vị phải lập kế hoạch tiền mặt gửi cho Ngân hàng. Các Cục, Phòng, Ty lập kế hoạch cho phần thu chi tiền mặt của mình và số đơn vị trực thuộc không mở tài khoản ở Ngân hàng. Những đơn vị nào hiện nay chưa lập được kế hoạch hàng quý thì có thể lập kế hoạch hàng tháng nhưng phải tiến tới lập kế hoạch hàng quý chia ra từng tháng.

Kế hoạch tiền mặt phải làm đúng theo mẫu và các mục trong mẫu của Ngân hàng.

Khi có những khoản chi bất thường chưa ghi vào kế hoạch thì đơn vị phải làm kế hoạch bổ sung gửi cho Ngân hàng.

MỤC II

THANH TOÁN CHUYÊN KHOẢN, CHUYÊN TIỀN

Điều 4. — Mọi việc cấp kinh phí của Bộ Tài chính qua Bộ Thủy lợi Kiến trúc hoặc qua các Bộ, các cơ quan có giao thầu xây dựng công trình cho các Cục thuộc Bộ Thủy lợi Kiến trúc và các công trình thủy lợi, các công trình kiến thiết xây dựng đều phải làm chuyên khoản qua Ngân hàng.

Các Ty Tài chính cấp kinh phí thuộc ngân sách trung ương và địa phương cho các Ty Thủy lợi Kiến trúc cũng phải chuyên khoản qua Ngân hàng.

Các Cục, Ty phân phối kinh phí cho các công trường, các đơn vị trực thuộc hoặc chuyển giao kinh phí cho các Cục khác thuộc Bộ để thực hiện một phần công trình phải chuyên khoản qua Ngân hàng.

Các Cục, Phòng, Ty chỉ phân phối cho các công trường, các đơn vị trực thuộc phần kinh phí để chi lương, chi lặt vặt và mua sắm các thứ

cần thiết tại chỗ mà Mậu dịch không đủ khả năng cung cấp hoặc không đúng yêu cầu. Số kinh phí còn lại sẽ do Cục, Phòng, Ty quản lý để cung cấp bằng hiện vật.

Điều 5. — Mọi khoản giao dịch mua bán giữa đơn vị với các Công ty Mậu dịch, các xí nghiệp Nhà nước, các cơ quan hay giữa đơn vị với nhau đều phải thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng, nhất thiết không cho nhau vay mượn, trả nợ, thanh toán bằng tiền mặt.

Trừ trường hợp hai công trường ở gần nhau cùng tính chất công tác đều ở xa Ngân hàng có thể chuyển giao cho nhau tiền mặt để tránh lãng phí về vận tải nhưng sau đây hai bên phải báo cho Ngân hàng để điều chỉnh giữa hai tài khoản.

Điều 6. — Khi có những việc xin trích tài khoản thanh toán giữa các Cục, các đơn vị với nhau hoặc với cơ quan, đơn vị khác có tài khoản tại Ngân hàng, Ngân hàng phải đảm bảo thanh toán nhanh chóng, chậm lắm là ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải làm xong các thủ tục và gửi giấy báo cho các đơn vị hữu quan biết.

Điều 7. — Mỗi khi các Cục, các đơn vị xin trích tài khoản để chuyển tiền, Ngân hàng phải làm xong các thủ tục chậm lắm là ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải gửi xong giấy chuyển tiền đi.

Khi nhận được giấy chuyển tiền đến các đơn vị, Ngân hàng phải ghi ngay vào tài khoản cho các đơn vị được hưởng và ngày hôm sau (trừ ngày nghỉ) phải gửi xong giấy báo CỎ cho các đơn vị ấy.

MỤC III

RÚT TIỀN MẶT VÀ GIỮ TẠI QUỸ

Điều 8. — Căn cứ vào kế hoạch thu chi tiền mặt và số tiền tồn khoản của mỗi đơn vị Ngân hàng phải đảm bảo cấp phát tiền mặt cho các đơn vị theo kế hoạch của đơn vị trên nguyên tắc tiết kiệm tiền mặt đúng mức.

Các đơn vị dựa theo chế độ lương cho cán bộ, công nhân viên, chế độ dân công, chế độ làm khoán mà rút tiền dân về đủ chi, không rút quá mức. Số tiền lương của cán bộ, công nhân viên đi công tác vắng lâu ngày thì chưa được rút về để động tại quỹ.

Các đơn vị chỉ rút tiền mặt để mua sắm các nguyên vật liệu mà Cục, Phòng không cung cấp được hoặc Mậu dịch không đủ khả năng và chỉ rút khi nào cần thiết.

Điều 9. — Để đảm bảo chi tiêu lật vặt hàng ngày các đơn vị được giữ tại quỹ một số tiền mặt đủ chi dùng trong 3 ngày đối với các đơn vị ở trong thành phố. Những đơn vị ở xa Ngân hàng thời tùy theo hoàn cảnh từng nơi, các đơn vị và Ngân hàng

địa phương căn cứ vào phạm vi hoạt động và tình hình chi tiêu thực tế của từng đơn vị mà ấn định mức cho hợp lý.

Điều 10. — Ngân hàng có nhiệm vụ theo dõi, kiểm tra thực hiện kế hoạch tiền mặt và mức giữ tại quỹ của các đơn vị. Trường hợp số tiền giữ tại quỹ lên quá mức đã quy định, Ngân hàng phải đơn đốc nộp. Khi đã đơn đốc nộp nhiều lần mà đơn vị không chịu thực hiện, Ngân hàng lập biên bản báo cáo lên Ngân hàng Trung ương, Bộ Thủy lợi Kiến trúc để giúp đỡ giải quyết.

Điều 11. — Các đơn vị có trách nhiệm theo dõi, sát mức tiền được giữ tại quỹ của đơn vị mình, không để động tiền mặt quá mức đã quy định.

Các Cục, Phòng, Ty có trách nhiệm đơn đốc giúp đỡ các đơn vị thực hiện đúng đắn việc nộp và rút tiền mặt nhằm sử dụng và luân chuyển vốn Nhà nước một cách hợp lý và có lợi.

Điều 12. — Khi có những khoản chi bất thường ngoài kế hoạch thu chi tiền mặt phải có sự thỏa thuận của Ngân hàng mới được rút tiền mặt. Căn cứ theo đề nghị của đơn vị, Ngân hàng địa phương xét hoàn cảnh thực tế có thể cấp phát trước khi có kế hoạch bổ sung để điều chỉnh lại kế hoạch.

Điều 13. — Hàng tháng Ngân hàng phải gửi cho các đơn vị bản sao kê tài khoản để tiện cho việc theo dõi tình hình thu chi và tồn khoản của đơn vị.

MỤC IV

THỜI HẠN LẬP VÀ GỬI KẾ HOẠCH

Điều 14. — Thời hạn lập và gửi kế hoạch cho Ngân hàng quy định như sau :

1) Bộ Thủy lợi Kiến trúc cung cấp cho Ngân hàng trung ương những tài liệu về chi tiêu của các đơn vị thuộc Bộ (từng quý và năm).

Các chi tiêu từng quý sẽ gửi vào tuần kỳ 3 thuộc tháng cuối quý trước.

2) Các đơn vị gửi đến Ngân hàng địa phương nơi chịu sự quản lý :

— Kế hoạch thu chi tiền mặt hàng tháng chia ra tuần kỳ 10 ngày một.

— Kế hoạch tài vụ từng quý chia ra từng tháng.

— Kế hoạch thu chi tiền mặt gửi vào ngày 25 tháng trước, chậm lắm là 28.

— Kế hoạch tài vụ từng quý gửi vào tuần kỳ 3 của tháng cuối quý trước.

Điều 15. — Ngân hàng phải đảm bảo giữ bí mật cho các kế hoạch của các đơn vị.

Điều 16. — Chế độ quản lý tiền mặt là một pháp lệnh của Chính phủ, các Cục, Phòng, Ty, các đơn

0966853
Tel: +84-8-3845 668
LAWSON*
www.lawson.vn

vị, các chi nhánh Ngân hàng có trách nhiệm thi hành và coi đó là một kỷ luật tài chính.

Để cho việc thi hành thông tư này được thích hợp với tình hình nghiệp vụ, Bộ Thủy lợi Kiến trúc và Ngân hàng trung ương sẽ ra chỉ thị quy định những biện pháp cụ thể áp dụng những nguyên tắc đã đề ra.

Các đơn vị, các chi nhánh Ngân hàng đặt kế hoạch cụ thể sát với hoàn cảnh từng nơi, từng đơn vị, đề ra nội quy công tác chi tiết (được Ủy ban Hành chính địa phương đối với các Ty thông qua để thi hành).

Hà-nội, ngày 10 tháng 12 năm 1956

Tổng Giám đốc
Ngân hàng quốc gia Việt-nam
LÊ-VIẾT-LƯỢNG

Bộ trưởng Bộ Thủy lợi Kiến trúc

TRẦN-ĐĂNG-KHOA

THƯƠNG NGHIỆP — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 2477-BTN/TC ngày 1-12-1956 về việc miễn thuế nhập khẩu và thuế hàng hóa cho những nguyên liệu và hàng nhập khẩu của Mậu dịch quốc doanh dùng để làm thành hàng xuất khẩu.

Để khuyến khích việc phục hồi và phát triển sản xuất, đồng thời đẩy mạnh hoạt động của Mậu dịch quốc doanh, Liên Bộ Thương nghiệp Tài chính quyết định miễn thuế nhập khẩu và thuế hàng hóa cho:

— Những nguyên liệu chính và phụ nhập vào để làm thành hàng xuất khẩu.

— Những hàng công nghệ phẩm nhập vào để chế biến, pha trộn, gia công thêm hoặc làm những bộ phận phụ cần thiết cho những hàng xuất khẩu, để dùng làm đồ chứa đựng, gói bọc những hàng xuất khẩu.

Việc miễn thuế này nhằm những hàng nhập khẩu từ các nước dân chủ cũng như từ các nước tư bản và chỉ thi hành cho Mậu dịch quốc doanh.

Các cơ quan Hải quan, Thuế vụ, và Mậu dịch quốc doanh có nhiệm vụ quy định chi tiết thi hành thông tư này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 12 năm 1956

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng
TRỊNH-VĂN-BÍNH

Bộ trưởng Bộ Thương nghiệp
PHAN-ANH

CÁC BỘ

BỘ TÀI CHÍNH

NGHỊ ĐỊNH số 358-TC-ND ngày 14-12-1956 thành lập tại các Sở, Khu, Ty Tài chính thuộc các thành phố, khu, tỉnh một phòng hay một bộ phận cấp phát vốn kiến thiết cơ bản.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ nghị định số 1163-TTg ngày 5-12-1956 của Thủ tướng Phủ quy định nhiệm vụ và tổ chức bộ máy cấp phát vốn kiến thiết cơ bản thuộc Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của ông Giám đốc Vụ cấp phát vốn kiến thiết cơ bản, Trưởng phòng tổ chức và cán bộ Bộ Tài chính,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập tại các Sở, Khu, Ty Tài chính thuộc các thành phố, khu, tỉnh sau đây:

A. — Một phòng cấp phát vốn kiến thiết cơ bản:

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 1 — Thành phố Hà-nội | 5 — Tỉnh Nghệ-an |
| 2 — Thành phố Hải-phòng | 6 — Tỉnh Hải-dương |
| 3 — Thành phố Nam-định | 7 — Tỉnh Phú-thọ |
| 4 — Tỉnh Thanh-hóa | 8 — Tỉnh Lào-cai |

B. — Một bộ phận cấp phát vốn kiến thiết cơ bản:

- | | |
|----------------------|-------------------------|
| 1 — Tỉnh Yên-bái | 4 — Tỉnh Bắc-ninh |
| 2 — Tỉnh Cao-bằng | 5 — Khu tự trị Thái-Mèo |
| 3 — Tỉnh Thái-nguyên | 6 — Khu Hồng-Quảng |

Phòng cấp phát vốn kiến thiết cơ bản thuộc Ty Tài chính Hải-dương phụ trách cả Hải-dương và Thái-bình.

Bộ phận cấp phát vốn kiến thiết cơ bản thuộc Ty Tài chính Bắc-ninh phụ trách cả Bắc-ninh và Bắc-giang.

Điều 2. — Ông Giám đốc Vụ cấp phát vốn kiến thiết cơ bản, Trưởng phòng tổ chức và cán bộ Bộ Tài chính, Ủy ban Hành chính các liên khu, khu, thành phố và tỉnh trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà-nội, ngày 14 tháng 12 năm 1956

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng
TRỊNH-VĂN-BÍNH